

Số: 215/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 17 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn P, sinh năm 1973; HKTT: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: khu phố ..., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1978; Địa chỉ: khu phố ..., phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lương Văn P, sinh năm 1973 và chị Bùi Thị S, sinh năm 1978.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên là Lương Văn Ph1, sinh ngày 19/4/2001; Lương Văn Ph2, sinh ngày 05/9/2003; Lương Văn Ph3, sinh ngày 16/01/2008; Hiện nay cháu Ph3 sống với anh P và chị S. Ly hôn, anh P và chị S thống nhất giao cháu Ph3 cho chị Bùi Thị S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lương Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ph3 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi phát sinh một trong các điều kiện được

quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Ph1 và cháu Ph2 vì đã trưởng thành có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi sống bản thân nên anh P và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Lương Văn P và chị Bùi Thị S thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lương Văn P tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con đình kỳ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005497 ngày 03/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- UBND xã B, Tp T;
(Số 45, quyển số 01/2000)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân Sang